TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 4 - 2026
V/v: "Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phú Anh Lân và ông Trần Văn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa tham gia phiên toà: bà Nguyễn Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025 về *"Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43b/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hoà, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Đỗ Thị Thu L. - sinh năm 1984 (yêu cầu vắng mặt);
Địa chỉ: Thôn Liên Sơn 1, xã Phước Hậu, tỉnh Khánh Hòa.

2. Bị đơn: anh Trần Văn T. - sinh năm 1974 (vắng mặt);
Địa chỉ: Thôn Liên Sơn 1, xã Phước Hậu, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Đỗ Thị Thu L. trình bày:

Chị và anh Trần Văn T. sống chung đời sống vợ chồng từ năm 2015, tự nguyện tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn ngày 22/5/2015 tại UBND xã Phú Phụng, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, nay là xã Phú Phụng, tỉnh Vĩnh Long. Chị và anh T. có 01 *(Một)* con chung tên là: Trần Tấn T., sinh ngày 21/6/2016, đang sống với chị. Thời gian đầu sống hạnh phúc, nhưng càng về sau thì mâu thuẫn vợ chồng. Lý do mâu thuẫn: Bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp về tình cảm vợ chồng, anh T. không quan tâm đến vợ con. Chị và anh T. không còn sống chung hơn ba năm nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn anh Trần Văn T.. Về con chung: Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung nêu trên và không yêu cầu anh T. cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt tại tất cả các giai đoạn tố tụng trong vụ án này.

Quá trình tố tụng bị đơn anh Trần Văn T. đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để tham gia phiên tòa sơ thẩm vụ án nhưng vắng mặt không có lý do, không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cho Tòa án.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Thu L.. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đỗ Thị Thu L. khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn anh Trần Văn T. và yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, đây là vụ án về Hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn; Tranh chấp nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Anh Trần Văn T. cư trú tại thôn Liên Sơn 1, xã Phước Hậu, tỉnh Khánh Hòa. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị L. có yêu cầu giải quyết vắng mặt; Bị đơn anh T. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị L. và anh T..

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 22/5/2015 của UBND xã Phú Phụng (BL 03), thể hiện: chị L. và anh T. có đăng ký kết hôn ngày 22/5/2015 tại UBND xã Phú Phụng, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, nay là xã UBND xã Phú Phụng, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị L. và anh T. là hợp pháp, thời điểm kết hôn vào ngày 22/5/2015, có đủ các điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2]. Quá trình chung sống vợ chồng: Căn cứ lời khai của chị L. và Biên bản xác minh ngày 22/01/2026, đủ cơ sở xác định: Vợ chồng chị L. và anh T. đã không còn chung sống với nhau đã thời gian dài và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn vợ chồng là gì thì địa phương không biết. anh T. đã bỏ đi khỏi địa phương, thỉnh thoảng có về địa phương nhưng không rõ thời điểm trở về. Quá trình giải quyết vụ án, chị L. yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, anh T. cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L., điều này chứng tỏ các bên không có thiện chí hòa giải hàn gắn nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L. và anh T. đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L. yêu cầu ly hôn anh T. là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3]. Về con chung: chị L. yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là: Trần Tấn T., sinh ngày 21/6/2016 và không yêu cầu anh T. cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu Thành đang sống chung với chị L. và có nguyện vọng sống chung với chị L.. anh T. cũng không có ý kiến đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị L. trong vụ án này. Do đó, việc chăm sóc, giáo dục con của chị L. sẽ tốt hơn cho sự phát triển bình thường của cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Thành cho chị L. trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị L. không yêu cầu anh T. cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

[3.4]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn chị L. phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các điều 28, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và

Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Điều 39 Bộ luật Dân sự; Các điều 8, 9, 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thu L. được ly hôn anh Trần Văn T..

2. Về con chung: Giao chị Đỗ Thị Thu L. trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Trần Tấn T., sinh ngày 21/6/2016.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: chị Đỗ Thị Thu L. phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị L. đã nộp theo Biên lai thu số 0003145 ngày 30/10/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Khánh Hòa. chị L. đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày tống đạt được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 8 - Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND xã Phú Phụng, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Quốc Tâm